

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: **21/2020/HS-ST**

Ngày 18/6/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Lương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phan Quang Đỉnh.

2. Ông Đặng Hoàng Mích.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Long Hồ – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:** Ông Đỉnh Bảo Quốc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2020/TLST-HS, ngày 21 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXX-HS ngày 04 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

**Trương Đức N**, sinh ngày 24/3/1991; Nơi cư trú: ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: nhân viên máy tính; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Trương Quang M, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; Bị cáo có 02 anh chị ruột, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1991; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Không, tiền sự: Không.

Bị cáo đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 07 ngày 09/3/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:** Bà **Lưu Thị A**, sinh năm 1956 (đã chết).

Nơi cư trú: ấp S, xã O, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**- Người đại diện hợp pháp của bị hại:**

Ông **Đỗ Văn K**, sinh năm 1956 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp S, xã O, huyện B, tỉnh Bến Tre.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 22/01/2020, Trương Đức N, điều khiển xe mô tô biển số 59V1-667.61 đi từ Thành phố C về xã E, huyện B, tỉnh Bến Tre để thăm người thân. Khi xe lưu thông trên Quốc Lộ 57B theo hướng từ cầu AH đi thị trấn B, đến khu vực Km 40 + 395 thuộc ấp H, xã Y, huyện B thì nhìn thấy phía trước bà Lưu Thị A đang điều khiển xe đạp trên phần đường bên phải cùng chiều lưu thông với N. Lúc này, N điều khiển xe mô tô vượt về bên phải theo hướng đi của N và va chạm với xe đạp do bà L điều khiển gây tai nạn giao thông. Hậu quả, bà L bị chấn thương nặng vùng đầu được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, tỉnh Bến Tre. Do sức khỏe tiến triển xấu, ngày 24/01/2020 gia đình đưa bà L về nhà thì tử vong lúc 23 giờ 30 phút cùng ngày.

Tại Biên bản đánh giá sơ bộ hiện trường tai nạn giao thông ngày 22/01/2020 xác định khu vực va chạm giữa xe mô tô biển số 59V1-667.61 và xe đạp màu đen được ký hiệu là tâm (X). Tâm (X) nằm trên phần đường bên phải theo hướng khám nghiệm (từ cầu AH đi thị trấn B), cách mép đường chuẩn bên phải theo hướng khám nghiệm là 0,5 mét, cách đầu tâm vết cày ký hiệu (1) là 0,90 mét, cách điểm đầu vết cày ký hiệu (2) là 1,40 mét, cách đầu trục bánh sau xe đạp màu đen là 2,20 mét, cách đầu trục bánh sau xe mô tô biển số 59V1-667.61 là 5,73 mét, cách trụ điện số 232 là 5,55 mét.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 15/TT ngày 03/02/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: bà Lưu Thị A chết do chấn thương sọ não gây xuất huyết, tụ máu nội sọ, giập và hoại tử nhu mô não.

Ngay sau khi vụ tai nạn giao thông xảy ra, Cảnh sát giao thông Công an huyện B tiến hành đo nồng độ cồn của N, kết quả xét nghiệm là 0.00mg/l.

Hành vi của Trương Đức N khiên xe mô tô vượt không đúng quy định gây tai nạn giao thông đã vi phạm các quy định tại:

- Khoản 11 Điều 8 Luật giao thông đường bộ “Điều khiển xe cơ giới vượt ẩu”.

- Điều 14. “Vượt xe:

1. Xe xin vượt phải có báo hiệu bằng đèn hoặc còi; trong đô thị và khu đông dân cư từ 22 giờ đến 5 giờ chỉ được báo hiệu xin vượt bằng đèn.

2. Xe xin vượt chỉ được vượt khi không có chướng ngại vật phía trước, không có xe chạy ngược chiều trong đoạn đường định vượt, xe chạy trước không có tín hiệu vượt xe khác và đã tránh về bên phải.

3. Khi có xe xin vượt, nếu đủ điều kiện an toàn, người điều khiển phương tiện phía trước phải giảm tốc độ, di sát về bên phải của phần đường xe chạy cho đến khi xe sau đã vượt qua, không được gây trở ngại đối với xe xin vượt.

4. Khi vượt, các xe phải vượt về bên trái...”

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tạm giữ 01 xe mô tô biển số 59V1-667.61, màu sơn bạc, Nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE S số máy C43E-0536995, số khung Y-022648 và 01 xe đạp hiệu MARTIN 107 màu đen, trên sườn xe hai bên có dán tem in dòng chữ Windows màu trắng, lồng xe bằng nhựa màu đen dạng khung hình ô vuông, phía bên trái bị bể, hở.

Ngày 27/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại cho ông Đỗ Văn K là người đại diện hợp pháp của bị hại xe đạp trên. Tiếp tục tạm giữ của Trương Đức N: 01 xe mô tô biển số 59V1-667.61, màu sơn bạc, Nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE S, số máy C43E-0536995, số khung Y-022648.

Bị cáo N đã bồi thường cho gia đình của bị hại số tiền 50.000.000 đồng. Đồng thời, gia đình của bị hại đã có đơn xin bãi nại cho bị cáo và không yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKS-HS ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Trương Đức N về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

*Tại phiên Tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa và giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng và phát biểu quan điểm luận tội và tranh luận, đề nghị như sau:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Đức N mức án từ **01 (Một) năm đến 02 (Hai) năm tù**, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ **02 (Hai) năm đến 04 (Bốn) năm**, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 50.000.000 đồng và gia đình bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xét đến.

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo: 01 xe mô tô biển số 59V1-667.61, màu sơn bạc, Nhãn hiệu Honda, loại xe Wave S, số khung: RLHJC43199Y-022648, số máy: JC43E-0536995, mất gương chiếu hậu trái, phải, chỉ còn 02 chân gương.

*Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trương Đức N khai:* Bị cáo xác định bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là đúng. Tại phiên Tòa, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để được làm việc, chăm lo cho gia đình.

*Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại ông Đỗ Văn K ý kiến:* Ông không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm, ông tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt và xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin lỗi gia đình bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự; thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đều thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên Tòa, bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trương Đức N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là đúng với các tình tiết của vụ án cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận giám định pháp y, lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 22/01/2020, bị cáo Trương Đức N điều khiển xe mô tô biển số 59V1-667.61 lưu thông trên Quốc lộ 57B theo hướng từ cầu AH đi thị trấn B. Khi đến khu vực Km 40 + 395 thuộc ấp H, xã Y, huyện B thì vượt bên phải xe đạp do bà Lưu Thị A điều khiển theo hướng đi của N không đảm bảo an toàn, dẫn đến việc xảy ra va chạm gây tai nạn giao thông. Hậu quả, làm bà Lưu Thị A bị chấn thương sọ não và tử vong. Hành vi của bị cáo Trương Đức N đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 8, Điều 14 Luật giao thông đường bộ và phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Trương Đức N về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét hành vi của bị cáo Trương Đức N là nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng, vi phạm quy định của Nhà nước về an toàn giao thông đường bộ, gây tâm lý không an tâm cho người dân khi tham gia giao thông. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra hậu quả nghiêm trọng làm chết một người, đồng thời còn gây tổn thất tinh thần cũng như vật chất cho gia đình nạn nhân. Trước trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực nhận biết và thấy được khi vượt xe, người điều khiển phải

quan sát phía trước, có tín hiệu cần thiết và chỉ khi không còn nguy hiểm mới được vượt xe và phải vượt về bên trái nhưng với ý thức chủ quan, tự tin cầu thả, bị cáo cho rằng hậu quả sẽ không xảy ra nên bị cáo vẫn thực hiện. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[4] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là lỗi vô ý, hậu quả làm chết một người, đồng thời còn gây tổn thất về vật chất cũng như tinh thần cho gia đình bị hại.

[5] Về nhân thân bị cáo: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên Tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường và khắc phục thiệt hại cho gia đình bị hại. Ngoài ra, bị cáo có ông ngoại là liệt sĩ, người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin bãi nại đối với bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét sự cho bị cáo trong việc quyết định hình phạt.

[8] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, trên cơ sở xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên nhân và điều kiện, động cơ và mục đích phạm tội. Xét thấy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo về cho chính quyền địa phương phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục và ấn định thời gian thử thách cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo có ý thức hơn trong việc tôn trọng pháp luật khi tham gia thông, đồng thời góp phần trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung. Việc cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với Điều 65 Bộ luật Hình sự và Điều 1, Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Đồng thời, việc này cũng thể hiện được tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo trong vụ án này.

[9] Về vật chứng, xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo: 01 xe mô tô biển số 59V1-667.61, màu sơn bạc, Nhãn hiệu Honda, loại xe Wave S, số khung: RLHJC43199Y-022648, số máy: JC43E-0536995; mất gương chiếu hậu trái, phải, chỉ còn 02 chân gương.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu gì thêm nên ghi nhận, không xét đến.

Đối với yêu cầu miễn trách nhiệm hình sự của người đại diện hợp pháp của bị hại cho bị cáo. Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo không thuộc trường hợp

miễn trách nhiệm hình sự tại Điều 29 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử không áp dụng cho bị cáo mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đã giúp cho bị cáo có điều kiện làm việc, cải tạo tốt tại địa phương.

[11] Đối với lời luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên về tính chất, mức độ, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có cơ sở phù hợp với pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được xem xét chấp nhận.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố: Bị cáo Trương Đức N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.**

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Đức N **01 (Một) năm tù**, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **02 (Hai) năm**, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/6/2020).

Giao bị cáo Trương Đức N cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68 và khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Người đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu nên ghi nhận.

**3. Về vật chứng, xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

Trả lại cho bị cáo: 01 xe mô tô biển số 59V1-667.61, màu sơn bạc, Nhãn hiệu Honda, loại xe Wave S, số khung: RLHJC43199Y-022648, số máy: JC43E-0536995, mất gương chiếu hậu trái, phải, chỉ còn 02 chân gương.

(Theo biên bản giao nhận ngày 19/5/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

**4. Về án phí hình sự sơ thẩm:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trương Đức N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**\* Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- VKSND huyện B;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (P.KTNV&THA);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- UBND xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Hữu Lương**